

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12730/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2022

V/v đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

Để có cơ sở tham mưu cấp có thẩm quyền tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị, Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện: (i) Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ theo Đề cương số 01 kèm theo; (ii) Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo Đề cương số 02 kèm theo.

Thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2022.

Báo cáo sơ kết, đánh giá, đề nghị gửi về Bộ Tài chính trước ngày 25/12/2022.

Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để b/c);
- Sở TC các tỉnh (TP) trực thuộc TW;
- Lưu: VT, QLCS. (120) *hld*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 01

V/v sơ kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện

Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ

(Kèm theo Công văn số 1273/BTC-QLCS ngày 02/12/2022 của Bộ Tài chính)

A. Kết quả thực hiện

I. Về việc ban hành văn bản

1. Tình hình ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn

Liệt kê các văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã ban hành để chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện Nghị định số 152/2017/NĐ-CP.

2. Tình hình ban hành theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quyết định diện tích sử dụng chung trong trụ sở làm việc của cơ quan tổ chức trong trường hợp cần bố trí diện tích sử dụng chung cao hơn quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 152/2017/NĐ-CP (theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP).

Liệt kê cụ thể:

(i) Văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh đối với trường hợp có yêu cầu về diện tích tăng dưới 10% so với diện tích quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 152/2017/NĐ-CP.

(ii) Văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với trường hợp có yêu cầu về diện tích tăng từ 10% trở lên so với diện tích quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 152/2017/NĐ-CP.

(iii) Trường hợp không có quy định thì nêu rõ là “không có” hoặc “chưa ban hành”.

3. Tình hình ban hành theo thẩm quyền văn bản của bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP.

Liệt kê cụ thể các văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã ban hành; trường hợp chưa ban hành thì nêu rõ là “chưa ban hành”.

4. Tình hình ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức, sử dụng công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định 152/2017/NĐ-CP.

Liệt kê cụ thể các văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã ban hành; trường hợp chưa ban hành thì nêu rõ là “chưa ban hành”.

5. Tình hình ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức, sử dụng công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan

trung ương, UBND cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 152/2017/NĐ-CP.

Liệt kê cụ thể các văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã ban hành; trường hợp chưa ban hành thì nêu rõ là “chưa ban hành”.

6. Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội báo cáo về tình hình ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 152/2017/NĐ-CP.

Liệt kê cụ thể các văn bản của Bộ đã ban hành; trường hợp chưa ban hành thì nêu rõ là “chưa ban hành”.

II. Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

1. Diện tích sử dụng chung

a) Các trường hợp có yêu cầu diện tích sử dụng chung được điều chỉnh theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định 152/2017/NĐ-CP (*chi tiết cụ thể từng trường hợp và tỷ lệ (%) tăng tương ứng*).

b) Các trường hợp có yêu cầu diện tích sử dụng chung được điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định 152/2017/NĐ-CP (*chi tiết cụ thể từng trường hợp và tỷ lệ (%) tăng tương ứng*).

2. Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức (nếu có)

Nêu cụ thể từng loại diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của từng Bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

3. Tình hình thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định 152/2017/NĐ-CP

Nêu rõ có bao nhiêu trường hợp đã lấy ý kiến của Bộ Tài chính (đối với bộ, cơ quan trung ương); bao nhiêu trường hợp đã lấy ý kiến của Sở Tài chính (đối với địa phương).

4. Tình hình thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định 152/2017/NĐ-CP

Tình hình cập nhật trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành

Nêu rõ có cập nhật thường xuyên biến động về trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài công hay chưa; số liệu cập nhật có đầy đủ không.

5. Tình hình công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

Nêu rõ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp do Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có được công khai theo quy định tại khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 9 Nghị định 152/2017/NĐ-CP hay không.

B. Những khó khăn, vướng mắc

Đề nghị nêu rõ các khó khăn, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ (nếu có).

C. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị nêu rõ các đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và công tác tổ chức thực hiện./.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 02

Về việc sơ kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

(kèm theo Công văn số ~~12730~~/BTC-QLCS ngày 02/12/2022 của Bộ Tài chính)

A. Kết quả đạt được

I. Về việc ban hành văn bản

1. Tình hình ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn

Liệt kê các văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã ban hành để chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg.

2. Tình hình ban hành theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quyết định điều chỉnh mức giá trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định 50/2017/QĐ-TTg.

Liệt kê cụ thể:

(i) Văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh đối với trường hợp giá mua máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cao hơn không quá 10% so với mức giá quy định tại Quyết định 50/2017/QĐ-TTg.

(ii) Văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đối với trường hợp trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến có giá cao hơn từ trên 10% đến không quá 20% so với mức giá quy định tại Quyết định 50/2017/QĐ-TTg.

(iii) Trường hợp không có điều chỉnh thì nêu rõ là “không có trường hợp điều chỉnh giá”.

3. Tình hình ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg.

Liệt kê cụ thể các văn bản đã được ban hành theo thẩm quyền về các nội dung nêu trên. Nếu không có các trường hợp theo quy định nêu trên hoặc có trường hợp theo quy định nêu trên nhưng chưa ban hành thì cũng nêu rõ là “không có” hoặc “chưa ban hành”.

4. Tình hình ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quyết định 50/2017/QĐ-TTg.

Liệt kê cụ thể các văn bản đã được ban hành theo thẩm quyền về các nội dung nêu trên. Nếu không có các trường hợp theo quy định nêu trên hoặc có trường hợp theo quy định nêu trên nhưng chưa ban hành thì cũng nêu rõ là “không có” hoặc “chưa ban hành”.

5. Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo về tình hình ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị

chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Quyết định 50/2017/QĐ-TTg.

Liệt kê cụ thể các văn bản của Bộ đã ban hành; trường hợp chưa ban hành thì nêu rõ là “chưa ban hành”.

II. Tình hình quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị

1. Giá mua máy móc, thiết bị

a) Chủng loại máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến được điều chỉnh mức giá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg *(chi tiết từng loại máy móc, thiết bị và tỷ lệ (%) giá tăng tương ứng)*.

b) Chủng loại máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến được điều chỉnh mức giá theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg *(chi tiết từng loại máy móc, thiết bị và tỷ lệ (%) giá tăng tương ứng)*.

2. Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng là máy móc, thiết bị có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình cao hơn máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến và máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

(Chi tiết từng chủng loại, số lượng, đơn giá tối đa theo quy định tại văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương)

3. Tình hình cập nhật máy móc, thiết bị vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành

- Tình hình cập nhật máy móc, thiết bị có nguyên giá trên 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

- Tình hình cập nhật máy móc, thiết bị có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

(Nêu rõ có cập nhật biến động về máy móc, thiết bị vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài công hay không; số liệu cập nhật có đầy đủ không)

4. Tình hình công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

(Nêu rõ tiêu chuẩn, định mức sử dụng dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng do Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có được công khai theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg hay không).

B. Những khó khăn, vướng mắc

Đề nghị nêu rõ các khó khăn, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

C. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị nêu rõ các đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và công tác tổ chức thực hiện./.